

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 204/2026/DS-PT
Ngày 23-3-2026
V/v: “T/c chia tài sản chung
của vợ chồng sau khi ly hôn,
t/c hợp đồng đặt cọc”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Quốc Định

Bà Đào Thị Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Bích – Kiểm sát viên.

Ngày 16 và 23 tháng 3 năm 2026, Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 191/2026/TLPT-DS ngày 16 tháng 01 năm 2026 về “Tranh chấp chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn và tranh chấp hợp đồng đặt cọc”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 366/2025/DSST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1– Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2025/QĐXXPT-DS ngày 23 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ông Lê Trương Trí T**, sinh năm 1987; cư trú số 320A, tổ F, khu V, phường T, thành phố Cần Thơ (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. **Bà Huỳnh Thị Mỹ P**, sinh năm 1987; cư trú số 320A, tổ F, khu V, phường T, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Trương Trí T1, sinh năm 1991; cư trú số 71, đường B, Khu dân cư I, khu V, phường T, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

2.2. **Bà Trần Thị Q**, sinh năm 1964; cư trú số 320Đ/6, tổ F, khu V, phường T, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh N, sinh năm 1997, cư trú số A, đường T, phường T, thành phố Cần Thơ (có mặt).

2.3. Bà Nguyễn Thị Kim T2, sinh năm 1987; cư trú số 320Đ/6, tổ F, khu V, phường T, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đoàn Thanh S, sinh năm 1975; cư trú số 357X/15F4, khu dân cư B, phường L, thành phố Cần Thơ (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Nguyễn Huy K – Văn phòng L – Đoàn Luật sư thành phố C (có mặt).

2.4. Ông Nguyễn Trần Bảo N1, sinh năm 1996; cư trú số 320Đ/6, tổ F, khu V, phường T, thành phố Cần Thơ (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

- Người kháng cáo: bị đơn bà Trần Thị Q và bà Nguyễn Thị Kim T2, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trần Bảo N1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung Bản án dân sự sơ thẩm số 366/2025/DSST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Cần Thơ thể hiện:

Phần trình bày của nguyên đơn theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 3 năm 2024 và trong quá trình tố tụng như sau:

Vào ngày 01 tháng 3 năm 2022, nguyên đơn, bị đơn bà Huỳnh Thị Mỹ P có ký 02 (hai) hợp đồng đặt cọc nhằm mục đích chuyển nhượng quyền sử dụng đất với vợ chồng ông Nguyễn Kim B (chết ngày 20 tháng 6 năm 2023) và bà Trần Thị Q1 như sau:

Hợp đồng thứ nhất, nguyên đơn, bị đơn bà Huỳnh Thị Mỹ P đặt cọc số tiền 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng) nhằm mục đích nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thửa đất số 279, diện tích 117m² – vị trí tại ấp L, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03784 do Ủy ban nhân dân thành phố C, tỉnh Cần Thơ (cũ) cấp ngày 02 tháng 8 năm 2000, chỉnh lý biến động sang tên ngày 31 tháng 01 năm 2002 cho vợ chồng ông Nguyễn Kim B và bà Trần Thị Q1. Sau đó, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất này không thực hiện được do vợ chồng ông Nguyễn Kim B và bà Trần Thị Q1 không thực hiện giải chấp tại ngân hàng.

Hợp đồng thứ hai, nguyên đơn, bị đơn bà Huỳnh Thị Mỹ P đặt cọc số tiền 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng) nhằm mục đích chuyển nhượng nhà và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 298, diện tích xây dựng là 72m², diện tích sử dụng là 226,8m² – vị trí tại đường B, Khu dân cư I, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CY 152331, số vào sổ CS23148 do Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ cấp ngày 07 tháng 02 năm 2020, chỉnh lý biến động sang tên ngày 27 tháng 10 năm 2021 cho vợ chồng ông Nguyễn Kim B và bà Trần Thị

Q1. Đến ngày 14 tháng 12 năm 2022, nguyên đơn và bị đơn bà Huỳnh Thị Mỹ P, tiến hành hủy hợp đồng đặt cọc trên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2022, nguyên đơn, bị đơn bà Huỳnh Thị Mỹ P được Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ ban hành Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 47/2022/QĐST-VHN; trong đó ghi nhận vấn đề tài sản chung, nợ chung là không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau này, nguyên đơn và bị đơn có tranh chấp về tài sản đối với số tiền đặt cọc vì đây là tài sản riêng của nguyên đơn nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án tuyên số tiền đặt cọc 4.800.000.000 đồng (bốn tỷ tám trăm triệu đồng) là tài sản riêng của nguyên đơn và buộc vợ chồng ông Nguyễn Kim B và bà Trần Thị Q1 trả lại số tiền nhận cọc là 4.800.000.000 đồng (bốn tỷ tám trăm triệu đồng) và lãi suất 10% trên số tiền gốc 4.500.000.000 đồng (bốn tỷ năm trăm triệu đồng) từ ngày 01 tháng 3 năm 2022 cho đến khi trả hết nợ.

Phần trình bày của các bị đơn trong quá trình tố tụng như sau:

Phần trình bày của bị đơn bà Huỳnh Thị Mỹ P:

Vào ngày 01 tháng 3 năm 2022, nguyên đơn và bà – thời điểm này vẫn còn là vợ chồng - có cho vợ chồng ông Nguyễn Kim B (chết năm 2023) và bà Trần Thị Q1 vay số tiền là 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng), có làm biên nhận nhưng đã bị thất lạc.

Để đảm bảo cho việc vay tiền, nguyên đơn và bà yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Kim B và bà Trần Thị Q1 làm 02 (hai) hợp đồng đặt cọc nhằm mục đích chuyển nhượng quyền sử dụng đất như nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên, số tiền đặt cọc ở mỗi hợp đồng đặt cọc chỉ có 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng), không có hợp đồng nào đặt cọc 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng).

Vợ chồng ông Nguyễn Kim B và bà Trần Thị Q1 đã đóng tiền lãi trên số tiền vay 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng) từ ngày 01 tháng 3 năm 2022 đến ngày 14 tháng 12 năm 2022 thì không còn khả năng đóng tiền lãi nữa.

Số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn bà Trần Thị Q1 trả là tài sản chung của bà và nguyên đơn.

Phần trình bày của bị đơn bà Trần Thị Q:

Bà và ông Nguyễn Kim B (chết ngày 20 tháng 6 năm 2023) có 02 (hai) người con chung là Nguyễn Thị Kim T2 và Nguyễn Trần Bảo N1. Vợ chồng bà không biết Nguyễn Trần Bảo N1 làm ăn chung về mua bán bất động sản với nguyên đơn và bị đơn bà Huỳnh Thị Mỹ P như thế nào mà lại đưa người của văn phòng công chứng đến tận nhà để vợ chồng bà ký tên vào 02 (hai) hợp đồng đặt cọc vào ngày 01 tháng 3 năm 2022 như nguyên đơn trình bày. Vợ chồng bà không có nhận được số tiền vay 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng) từ nguyên đơn và bị đơn bà Huỳnh Thị Mỹ P nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Phần trình bày của bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T2:

Thông nhất phần trình bày của bị đơn bà Trần Thị Q1 – là mẹ ruột của bà và không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Phần trình bày của bị đơn ông Nguyễn Trần Bảo N1:

Ông có quan hệ làm ăn chung với nguyên đơn nên có vay của nguyên đơn số tiền là 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng), lãi suất 4%/tháng vào ngày 02 tháng 3 năm 2022. Ông đã trả tiền lãi cho nguyên đơn được 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) và trả lại cho bị đơn bà Huỳnh Thị Mỹ P được 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng). Ông khẳng định đây là nợ riêng của ông, không phải nợ của ba mẹ ông là ông Nguyễn Kim B và bà Trần Thị Q1. Do thời điểm vay tiền, phía nguyên đơn có yêu cầu ba mẹ ông là ông Nguyễn Kim B và bà Trần Thị Q1 ký vào 02 (hai) hợp đồng đặt cọc để đảm bảo số tiền ông nợ là 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng).

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 366/2025/DSST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Cần Thơ đã tuyên:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Trương Trí T.

Buộc bị đơn bà Trần Thị Q1 và người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Kim B gồm bà Trần Thị Q1, bà Nguyễn Thị Kim T2, ông Trần Bảo N1 có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn ông Lê Trương Trí Thông S1 tiền gốc và lãi tính đến ngày 24 tháng 9 năm 2025 số tiền là 3.570.000.000 đồng (ba tỷ năm trăm bảy mươi triệu đồng); gồm số tiền vốn vay là 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng) và số tiền lãi là 570.000.000 đồng (năm trăm bảy mươi triệu đồng) và phải chịu lãi phát sinh theo mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 25 tháng 9 năm 2025 cho đến khi thanh toán xong nợ trong phạm vi di sản thừa kế của ông Nguyễn Kim B để lại.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Trương Trí T buộc bị đơn bà Trần Thị Q1 và người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Kim B gồm bà Trần Thị Q1, bà Nguyễn Thị Kim T2 và ông Nguyễn Trần Bảo N1 liên đới trả số tiền cọc 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Trần Thị Q1 được miễn tiền án phí theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12, Điều 15 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T2 và ông Nguyễn Trần Bảo N1 phải chịu án phí có giá ngạch 103.400.000 đồng (một trăm lẻ ba triệu bốn trăm nghìn đồng) trong phạm vi di sản thừa kế ông Nguyễn Kim B để lại.

Nguyên đơn ông Lê Trương Trí T phải chịu án phí có giá ngạch 57.000.000 đồng (năm mươi bảy triệu đồng); khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã

nộp 56.400.000 đồng (năm mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001636 ngày 22 tháng 07 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ - nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1 – Cần Thơ, nguyên đơn ông Lê Trương Trí T phải nộp thêm 600.000 đồng (sáu trăm ngàn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Đương sự kháng cáo:

Ngày 10 tháng 10 năm 2025, bị đơn bà Trần Thị Q1 và Nguyễn Thị Kim T2 kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 10 tháng 10 năm 2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trần Bảo N1 kháng cáo kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn bà Trần Thị Q1, bà Nguyễn Thị Kim T2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trần Bảo N1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phần trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T2:

Đến thời điểm này, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T2 chưa được hưởng tài sản thừa kế nào từ ông Nguyễn Kim B – là cha ruột – nhưng cấp sơ thẩm lại buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T2 phải liên đới cùng với bị đơn bà Trần Thị Q1, bị đơn ông Nguyễn Trần Bảo N1 trả cho nguyên đơn ông Lê Trương Trí Thông S1 tiền vốn vay là 3.575.000.000 đồng (ba tỷ năm trăm bảy mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi là 570.000.000 đồng (năm trăm bảy mươi triệu đồng) là không có căn cứ.

Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Phần phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Về thủ tục: Hội đồng xét xử và các đương sự chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Nhận thấy, tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn đã rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện và có đủ căn cứ xác định nguyên đơn không đủ điều kiện khởi kiện nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 4 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự để hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, đình chỉ giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về xác định quan hệ pháp luật:

Tại đơn khởi kiện ngày 20 tháng 3 năm 2024, nguyên đơn có 02 (hai) yêu cầu khởi kiện: một là, yêu cầu Tòa án công nhận số tiền 4.800.000.000 đồng (bốn tỷ tám trăm triệu đồng) là tài sản riêng của nguyên đơn, không phải tài sản chung của vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn bà Huỳnh Thị Mỹ P; hai là, yêu cầu các bị đơn ông Nguyễn Kim B và vợ là bà Nguyễn Thị Q2 liên đới trả lại tiền đặt cọc cho nguyên đơn số tiền là 4.800.000.000 đồng (bốn tỷ tám trăm triệu đồng). Như vậy, từ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định quan hệ pháp luật phải là tranh chấp chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn và tranh chấp hợp đồng đặt cọc.

[1.2]. Về xác định tư cách đương sự:

[1.2.1] . Tại đơn khởi kiện ngày 20 tháng 3 năm 2024, nguyên đơn ông Lê Trương Trí T khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Kim B và vợ là bà Nguyễn Thị Q2 trả lại số tiền đặt cọc là 4.800.000.000 đồng (bốn tỷ tám trăm triệu đồng). Ông Nguyễn Kim B đã chết vào ngày 20 tháng 6 năm 2023 – tức là chết trước ngày nguyên đơn làm đơn khởi kiện và Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ – nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Cần Thơ thụ lý vụ án nhưng cấp sơ thẩm không yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện là không đúng quy định tại Điều 193 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2.2]. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 366/2025/DSST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Cần Thơ xác định bà Trần Thị Q1, bà Nguyễn Thị Kim T2, ông Nguyễn Trần Bảo N1 là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Nguyễn Kim B là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 74 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bởi vì, ông Nguyễn Kim B đã chết vào ngày 20 tháng 6 năm 2023, chết trước khi Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ – nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Cần Thơ thụ lý vụ án nên phải xác định tư cách đương sự của bà Trần Thị Q1, bà Nguyễn Thị Kim T2, ông Nguyễn Trần Bảo N1 là bị đơn của vụ án.

[1.3]. Về điều kiện khởi kiện:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ, giữa nguyên đơn và bị đơn tuy đã được Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ ban hành Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 47/2022/QĐST-VHN ngày 24 tháng 12 năm 2022 nhưng chưa giải quyết phần tài sản chung.

Thời điểm nộp đơn khởi kiện vụ án này, phần tài sản chung của vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn bà Huỳnh Thị Mỹ P vẫn chưa được giải quyết hay thỏa thuận bằng một bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của cơ quan có thẩm quyền.

Như vậy, khi nguyên đơn yêu cầu Tòa án xác định số tiền đặt cọc 4.800.000.000 đồng (bốn tỷ tám trăm triệu đồng) là tài sản riêng của nguyên đơn thì bị đơn vẫn đang có tranh chấp cho rằng đây là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân chưa được giải quyết. Mà tài sản chung của vợ chồng là loại tài sản đặc biệt, là loại tài sản chung hợp nhất nên nguyên đơn không thể tự mình thực hiện việc yêu cầu khởi kiện đối với bên thứ ba thực hiện nghĩa vụ hoàn trả tài sản chung hợp nhất đang còn tranh chấp thành tài sản riêng nên thuộc trường hợp chưa đủ điều kiện khởi kiện độc lập.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện, tuy bị đơn không đồng ý nhưng như phân tích trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xác định nguyên đơn chưa đủ điều kiện để khởi kiện độc lập đối với bên thứ ba nên sẽ đình chỉ giải quyết vụ án, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để nguyên đơn thực hiện đúng điều kiện khởi kiện theo quy định.

[2]. Nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ đồng nhất với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T2 và bị đơn ông Nguyễn Trần Bảo N1 được nhận lại tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 4 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên án:

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 366/2025/DSST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Cần Thơ.

2. Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 191/2026/TLPT-DS ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

3. Về án phí:

Nguyên đơn ông Lê Trương Trí T được nhận lại tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 54.400.000 đồng (năm mươi bốn triệu bốn trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001636 ngày 22 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ – nay là Thi hành án dân sự Khu vực 1 – Cần Thơ.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T2 được nhận lại tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm số tiền là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005267 ngày 13 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Bị đơn ông Nguyễn Trần Bảo N1 được nhận lại tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm số tiền là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005265 ngày 13 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Bản án dân sự phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật ngày 23 tháng 3 năm 2026.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPCT;
- TAND KV1-CT;
- Phòng THADS KV1-CT;
- Lưu hồ sơ, lưu án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thùy Trang